

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: 59/2023/CBSP-NUTRI

SỐ TNĐKSP: 052/2023/ĐKSP

METACARE OPTI 1+

Năm 2023

UBND TỈNH BẮC NINH
BAN QUẢN LÝ
AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 10 năm 2023

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 052/2023/ĐKSP

Ban Quản lý An toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức/cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02466833368 Fax: E-mail:

Cho sản phẩm: **Metacare Opti 1+**

do Chi nhánh CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE; địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam sản xuất phù hợp với:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 59/2023/TCSP-NUTRI

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố. /.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu VT, NV.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Văn Thanh
Ký bởi: Ban quản lý an toàn thực phẩm
Đơn vị: Ban quản lý an toàn thực phẩm
Cơ quan: UBND tỉnh Bắc Ninh
Ngày ký: 31-10-2023 09:02:58 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 59/2023/CBSP-NUTRI

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 02466833368

E-mail: nutricare82@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0104937284



II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Metacare Opti 1+

2. Thành phần:

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, Cholin, HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Sữa Non Colos 24h, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*, *Lactobacillus fermentum* và *Lactobacillus delbrueckii*), Nucleotit, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe): Sản phẩm không phải là thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Chi nhánh CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương,
Thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 59/2023/TCSP-NUTRI

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100g bột Per 100g	Trong 1 gói (30g) Per serving (30g)
Năng lượng/Energy	kcal	477	191
Bone Protein	g	17.0	6.80
Whey	g	2.99	1.20
Lysine/Lysine	mg	1304	521
Leucine/Leucine	mg	1478	591
Isoleucine/Isoleucine	mg	822	329
Valine/Valine	mg	979	392
Arginine/Arginine	mg	643	257
Histidine/Histidine	mg	420	168
Phenylalanine/Phenylalanine	mg	690	276
Tyrosine/Tyrosine	mg	593	237
Threonine/Threonine	mg	693	277
Methionine/Methionine	mg	369	148
Tryptophan/Tryptophan	mg	217	86.8
Cystine/Cystine	mg	189	75.6
Aspartic acid/Glutamic acid	mg	3337	1335
Glycine/Glycine	mg	1282	513
Alanine/Alanine	mg	334	134
Proline/Proline	mg	522	213
Serine/Serine	mg	1455	582
Chit bea/Lipid	g	869	348
DHA (Docosahexaenoic acid)	g	21.2	8.48
Carbohydrate tổng/Total carbohydrate	g	30.0	12.0
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	56.9	22.8
Prebiotics (FOS/Inulin)	g	3.60	1.44
Sữa Non Colos 24h/Colostrum Colos 24h	mg	100	40.0
IgG	mg	20.0	8.00
Nucleotids/Nucleotides	mg	23.0	9.20
HMO (Fucosylactose (2'-FL))	mg	145	58.0
Choline/Choline	mg	176	70.3
Taurine/Taurine	mg	49.0	19.6
Lợi khuẩn/Postbiotic	tế bào	31.3 x 10 ⁹	12.5 x 10 ⁹
Lactococcus lactis	tế bào	28.8 x 10 ⁹	11.5 x 10 ⁹
L. fermentum và L. delbrueckii	tế bào	2.52 x 10 ⁹	1.01 x 10 ⁹
Vitamin			
Vitamin A	IU	1936	774
Vitamin D3	IU	420	168
Vitamin E	IU	870	348
Vitamin K1	µg	15.2	6.09
Vitamin K2	µg	16.0	6.40
Vitamin C	mg	64.1	25.6
Vitamin B1	µg	439	175
Vitamin B2	µg	785	314
Niacin	µg	5514	2206
Acid pantothenic/Pantothenic acid	µg	2076	830
Vitamin B6	µg	836	334
Acid folic/Folic acid	µg	144	57.6
Vitamin B12	µg	1.69	0.68
Biotin	µg	13.6	5.44
Hoạt chất/Minerals			
Sắt/Iron	mg	282	113
Kali/Potassium	mg	490	196
Canxi/Calcium	mg	500	200
Phốt pho/Phosphorus	mg	800	320
Magi/Magnesium	mg	508	203
Sắt/Iron	mg	54.1	21.6
Kẽm/Zinc	mg	7.11	2.85
Mangan/Manganese	µg	530	212
Đồng/Copper	µg	450	180
I-ốt/Iodine	µg	143	57.3
Seleni/Selenium	µg	74.1	29.6
Crom/Chromium	µg	24.7	9.88
Nolypden/Molybdenum	µg	9.99	3.93
	µg	19.6	7.85

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crom clorid, Natri molybdat), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, Cholin, HMO (Fucosylactose (2'-FL)), Sữa Non Colos 24h, Postbiotic (Lợi khuẩn Lactococcus lactis, Lactobacillus fermentum và Lactobacillus delbrueckii), Nucleotit, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.
Milk powder, Vegetable fat, Maltodextrin, Sucrose, Prebiotics (FOS/Inulin), Soy protein, Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phylloquinone, Sodium L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Niacinamide, Calcium D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Tricalcium phosphate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite, Chromium chloride, Sodium molybdate), Premix of Calcium and Minerals from milk, DHA from fish oil, Choline, HMO (Fucosylactose (2'-FL)), Colostrum Colos 24h, Postbiotic (Lactococcus lactis, Lactobacillus fermentum and Lactobacillus delbrueckii), Nucleotides, Taurine, Vitamin K2 (MK7), Synthetic Flavour.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

Trẻ từ 1 – 2 tuổi / For children from 1 – 2 years old.

CÔNG DỤNG/FEATURES:

Metacare Opti 1+ thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các đường chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý lứa tuổi và hệ tiêu hóa của trẻ.

Metacare Opti 1+ replaces snacks, supplements Energy, Protein and necessary nutrients for the development of children, suitable for physiological ages and the digestive system of children.

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA/INSTRUCTIONS FOR PREPARATION:

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha / Wash your hands with soap and water.
 - 2) Đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 2 phút / All utensils must be cleaned and boiled for 2 minutes.
 - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha / Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 45 - 50°C).
 - 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 4 muỗng gạt Metacare Opti 1+ (tương đương 40 g) / Pour 180 ml of water into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40g) of Metacare Opti 1+.
 - 5) Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml Metacare Opti 1+. Thử độ nóng trước khi cho bé dùng / Stir well until the powder is completely dissolved to get 210 ml Metacare Opti 1+. Check the heat before feeding.
- Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ / Finish using Metacare Opti 1+ reconstituted feeding 1 hour after preparation.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

Dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.

Use 2 - 3 servings per day or follow doctor/dietitian's instructions.

Hàm lượng dinh dưỡng có thể dao động trong khoảng cho phép (Scan QR code để xem thông tin chi tiết).



NMNI - USA
Nutricare Medical
Nutrition Institute - USA

Sản phẩm được phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ

MetaCare

TIÊU HÓA KHỎE TĂNG CÂN, CAO LỚN



VỊ NHẠT THANH

Khối lượng tịnh
Net.wt 850 g
*Postbiotic

Dành cho trẻ từ 1 – 2 tuổi
Sản phẩm dinh dưỡng



METACARE OPTI 1+

Metacare Opti 1+ được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ bổ sung 30 tỷ Lợi khuẩn*, HMO, Chất xơ, Sữa Non Colos 24h cùng 60 đường chất giúp tiêu hóa khỏe, bé tăng cân, cao lớn.

TIÊU HÓA KHỎE, TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG
30 tỷ Lợi khuẩn* (Hệ Lợi khuẩn Postbiotic L. Lactis và Postbiotic L.Biome) ức chế sự phát triển của vi khuẩn có hại, tăng cường hệ miễn dịch tự nhiên cùng HMO kết hợp với Chất xơ giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh, ngăn ngừa táo bón, hỗ trợ cân bằng vi sinh đường ruột. Cùng Sữa Non Colos 24h từ Mẹ giúp tăng cường sức đề kháng.

TĂNG CÂN KHỎE MẠNH
60 đường chất với công thức giàu năng lượng gồm Đạm Whey dễ hấp thu, Vitamin nhóm B** giúp tăng 100% nhu cầu khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cùng Kẽm tăng cường chuyển hóa năng lượng và Lysin giúp bé ăn ngon miệng, tăng cân khỏe mạnh, bất kỳ độ tăng trưởng.

PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO
Đáp ứng 100% nhu cầu Canxi** theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cùng Vitamin K2, D3 hỗ trợ hấp thu Canxi, giúp xương chắc khỏe, phát triển chiều cao vượt trội.

PHÁT TRIỂN TRÍ NÃO, THỊ GIÁC
DHA, Cholin giúp bé phát triển não bộ cùng Axit folic giúp tăng khả năng ghi nhớ, học hỏi. Taurin hỗ trợ bảo vệ thị giác.



BẢO QUẢN/STORAGE:
Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần / Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.



CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác. Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh. Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.

* Postbiotic (Lợi khuẩn Lactococcus Lactis, Lợi khuẩn Lactobacillus fermentum và Lactobacillus delbrueckii) có chứa trong 3 tỷ Metacare Opti 1+ pha chuẩn.
** Trong 3 ly Metacare Opti 1+ pha chuẩn đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị dinh dưỡng cho trẻ từ 1 – 2 tuổi.
(1) Nguyên liệu Sữa Non Colos 24h nhập khẩu từ Mỹ.
Chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024.66.833.368
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Xuất xứ: Việt Nam.
Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.
Số TNDSP: NSX và HSD: Xem trên bao bì.

CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: 59/2023/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare.

Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP.Hà Nội.

Địa chỉ VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

1. Tên sản phẩm: Metacare Opti 1+

2. Thành phần cấu tạo

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, Cholin, HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Sữa Non Colos 24h, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*, *Lactobacillus fermentum* và *Lactobacillus delbrueckii*), Nucleotit, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

Thành phần	Đơn vị	Mức tối thiểu trong 100g
Năng lượng	kcal	382

Đạm	g	13.6
Whey	g	2.39
Lysin	mg	1043
Leucin	mg	1182
Isoleucin	mg	658
Valin	mg	783
Arginin	mg	514
Histidin	mg	336
Phenylalanin	mg	552
Tyrosin	mg	474
Threonin	mg	554
Methionin	mg	295
Tryptophan	mg	174
Cystin	mg	151
Axit glutamic	mg	2670
Axit aspartic	mg	1026
Glycin	mg	267
Alanin	mg	426
Prolin	mg	1164
Serin	mg	695
Chất béo	g	17.0
DHA	mg	24.0
Carbohydrate tổng	g	45.5
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	2.88
Sữa Non Colos 24h	mg	80.0
IgG	mg	16.0
Nucleotit/Nucleotides	mg	18.4
HMO (<i>Fucosyllactose (2'-FL)</i>)	mg	116
Cholin	mg	141
Taurin	mg	39.2
Lợi khuẩn	Tế bào	25.0 x 10 ⁹

<i>Lactococcus lactis</i>	Tế bào	23.0 x 10 ⁹
<i>L. fermentum</i> và <i>L.delbrueckii</i>	Tế bào	2.00 x 10 ⁹
Vitamin		
Vitamin A	IU	1549
Vitamin D3	IU	336
Vitamin E	IU	6.96
Vitamin K1	µg	12.2
Vitamin K2	µg	12.8
Vitamin C	mg	51.3
Vitamin B1	µg	351
Vitamin B2	µg	628
Niacin	µg	4411
Axit pantothenic	µg	1661
Vitamin B6	µg	669
Axit folic	µg	115
Vitamin B12	µg	1.352
Biotin	µg	10.9
Khoáng chất		
Natri	mg	226
Kali	mg	392
Clo	mg	400
Canxi	mg	640
Phốt pho	mg	406
Magiê	mg	43.3
Sắt	mg	5.69
Kẽm	mg	4.24
Mangan	µg	360
Đồng	µg	114
I-ốt	µg	59.3
Selen	µg	19.8
Crôm	µg	7.27

Molypden	µg	15.7
----------	----	------

- Hàm lượng vitamin, khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm. (Thuộc nhóm Các sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho trẻ từ 6-36 tháng tuổi và các sản phẩm sữa dạng bột).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	/10 g	KPH
3	<i>Staphylococci</i> dương tính với <i>coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. (Thuộc nhóm Các sản phẩm sữa dạng bột).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0.02
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
4	Asen	mg/kg	0.5
5	Thiếc (Sn) (<i>Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc</i>)	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Thuộc nhóm Thực phẩm dành cho trẻ dưới 36 tháng tuổi).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0.025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0.5

3	Patulin	µg/kg	10
4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

5.4. Các chỉ tiêu khác:

- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.

- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

6. Đối tượng sử dụng

Trẻ từ 1 - 2 tuổi.

7. Công dụng

Metacare Opti 1+ thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý lứa tuổi và hệ tiêu hóa của trẻ.

8. Lượng dùng khuyến nghị

Dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.

9. Hướng dẫn cách pha

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
- 2) Đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 2 phút.
- 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 – 50°C) trước khi pha.
- 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 4 muỗng gạt **Metacare Opti 1+** (tương đương 40 g).
- 5) Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml **Metacare Opti 1+**. Thử độ nóng trước khi cho bé dùng.

Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

10. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

11. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn)
Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

13. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

14. Xuất xứ sản phẩm.

Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,

Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**), **HACCP**,

Hệ thống Quản lý Môi trường **ISO 14001:2015**.

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kí tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

